

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2024/DS-PT
Ngày 05/3/2024
V/v: *Kiến nghị lại quyền sử dụng đất*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Nam.

Các Thẩm phán: Ông Hồ Thanh Sơn, ông Ma Hồng Thắng;

- Thư ký phiên tòa: Bà La Thu Thảo, Thư ký, Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 60/2023/TLPT - DS, ngày 23 tháng 11 năm 2023, về việc “*Kiến nghị lại quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2023/DS-ST, ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 11/2024/QĐ-PT, ngày 17 tháng 01 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 27/2024/QĐ-PT, ngày 05 tháng 02 năm 2024, của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Xuân V, sinh năm: 1923.

Địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang - Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1948, địa chỉ: Tổ dân phố Q, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang - Có mặt.

2. Bị đơn: Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; Địa chỉ: Tổ dân phố G, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lại Minh H, Chức vụ: Chủ tịch UBND thị trấn S.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Quốc Y, Chức vụ: Cán bộ địa chính UBND thị trấn S, huyện S - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Giang Tuấn A - Chức vụ: Chủ tịch UBND huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Trần Đức N- Chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện S, có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Người kháng cáo: người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn N.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Xuân V và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn N trình bày:

Căn cứ giấy đổi đất với nông trường chè T năm 1966 và hồ sơ sử dụng đất của ông Nguyễn Xuân V có thể hiện thửa đất số 34, tờ bản đồ số 26, đo đạc địa chính năm 2012, diện tích 1.657,5 m², theo đo đạc thực tế diện tích 2.335 m² do Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Tuyên Quang cấp. Thực tế ông V vẫn sử dụng ổn định, liên tục từ năm 1966 đến năm 2015 ông V làm thủ tục kê khai và đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) thì có xảy ra tranh chấp với ông Phạm Đình Tr và không được UBND huyện S cấp GCNQSDĐ. Việc này đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông V, nay diện tích đất này lại thuộc quyền quản lý của UBND thị trấn S, theo quyết định số 476/QĐ-UBND ngày 26/12/2012 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc thu hồi, giao đất và cho thuê đất để thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của Công ty cổ phần chè T (nay gọi là Công ty chè) tại thị trấn S. Nên ông V khởi kiện đề nghị Tòa án tuyên buộc UBND thị trấn S, huyện S trả lại diện tích thửa đất số 34, tờ bản đồ số 26, đo đạc địa chính năm 2012, diện tích 1.657,5 m², theo đo đạc thực tế diện tích 2.335 m², địa chỉ thửa đất tại Tổ dân phố T, thị trấn S, huyện S cho ông V.

Đồng thời ông V yêu cầu UBND thị trấn S phải bồi thường thiệt hại cho ông V các khoản tiền gồm: Tiền không được sử dụng đất từ tháng 6/2012 đến ngày có bản án của Tòa án: 6,5 năm là 10.000.000đồng/tháng x 78 tháng = 780.000.000đồng; Tiền tem thư, in ấn và tiền đi lại khiếu kiện là 1.490.000đồng/tháng x 7 tháng x 6,5 năm = 67.795.000 đồng. Tổng số tiền phải bồi thường cho gia đình ông Nguyễn Xuân V là 847.795.000 đồng (Tám trăm bốn mươi bảy triệu bảy trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 18/7/2023 ông Nguyễn Xuân V đã rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc bồi thường thiệt hại là tiền không được sử dụng đất số tiền 780.000.000 đồng; Tiền tem thư, in ấn và tiền đi lại khiếu kiện là 67.795.000 đồng. Tổng số tiền phải bồi thường là 847.795.000 đồng. Việc ông V làm đơn xin rút là hoàn toàn tự nguyện.

Đến nay, ông Nguyễn Xuân V đề nghị UBND thị trấn S trả lại quyền sử dụng thửa đất số 34, tờ bản đồ số 26, đo đạc địa chính năm 2012, diện tích 1.657,5 m² (diện tích đo đạc thực tế theo kết quả trích đo thửa đất và biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.741,9 m²), địa chỉ thửa đất tại Tổ dân phố T, thị trấn S, huyện

S cho ông V và công nhận việc đòi quyền sử dụng thửa đất trên là có căn cứ pháp luật. Sau khi có kết quả trích đo thửa đất tranh chấp, theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ thể hiện ranh giới thửa đất theo hiện trạng sử dụng thực tế: được xác định bởi các điểm nối liền khép kín: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 11, 12, 13, 14, 10, 1 có diện tích 1.741,9 m². Như vậy diện tích đất đã bị thiếu hụt 593,1 m². Đối với phần diện tích thiếu hụt này, trường hợp có yêu cầu đòi lại ông V sẽ yêu cầu đề nghị sau.

Ông V nhất trí với việc xem xét, thẩm định tại chỗ đối với thửa đất số 34, tờ bản đồ số 26; địa chỉ thửa đất tại Tổ dân phố T, thị trấn S, huyện S và không đề nghị tiến hành định giá tài sản đối với thửa đất trên.

Theo các bản tự khai, biên bản hòa giải người đại diện theo pháp luật của bị đơn ông Lại Minh H (UBND thị trấn S) và người đại diện theo ủy quyền ông Trần Quốc Y trình bày:

Thửa đất số 34, tờ bản đồ số 26, diện tích là 1.657,5 m² đo đạc năm 2012 là loại đất trồng cây hàng năm khác, có nguồn gốc là đất của Công ty Chè quản lý. Hiện nay thửa đất này đã được Công ty Chè bàn giao về cho UBND thị trấn S quản lý, theo quyết định số 476/QĐ-UBND ngày 26/12/2012 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc thu hồi, giao đất và cho thuê đất để thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của Công ty Chè tại thị trấn S trong đó đã thực hiện thu hồi và giao thửa đất số 119, tờ bản đồ số 1, diện tích 1.633,1 m² (Ứng với thửa đất số 34, tờ bản đồ số 26, diện tích là 1.657,5 m² đo đạc năm 2012).

Cho đến thời điểm hiện nay UBND thị trấn S chưa xây dựng phương án sử dụng thửa đất trên cho bất kỳ cá nhân nào để phục vụ cho quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021 – 2030, quy hoạch đất giao thông để mở rộng nút giao quốc lộ 37 - quốc lộ 2C ngã ba Tân Phúc.

UBND thị trấn S không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn khởi kiện yêu cầu UBND thị trấn S, huyện S trả lại thửa đất số 34, tờ bản đồ số 26, đo đạc địa chính năm 2012, diện tích 1.657,5 m² (diện tích đo đạc thực tế là 2.335 m²), địa chỉ thửa đất tại Tổ dân phố T, thị trấn S, huyện S.

Đối với nội dung ông Nguyễn Xuân V xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc bồi thường thiệt hại với tổng số tiền là 847.795.000 đồng. UBND thị trấn S nhất trí, không có ý kiến gì. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Theo bản tự khai của người đại diện theo ủy quyền của UBND huyện S, ông Trần Đức Ntrình bày:

- Về nguồn gốc thửa đất ông Nguyễn Xuân V đang đòi quyền sử dụng đất: là thửa đất số 34, tờ bản đồ số 26 (đo đạc địa chính năm 2012), diện tích 1.657,5 m². Địa chỉ thửa đất tại Tổ dân phố T, thị trấn S, huyện S.

Thửa đất này được tách ra từ thửa đất số 106, tờ bản đồ 6 (bản đồ đất chè năm 1989), diện tích 8.890 m², loại đất lúa. Kiểm tra sổ đăng ký ruộng đất số 01 lập tại Xí nghiệp công nông nghiệp chè T, tại trang số 40, thửa đất số 106, tờ bản

đồ 6 (bản đồ đất chề năm 1989), diện tích 8.890 m², chủ sử dụng đất là Đội Tân Phúc.

Theo hồ sơ đo đạc địa chính năm 1997 là các thửa đất số 153, 152, 147, 141, 140, 133, tờ bản đồ số 60, tổng diện tích 2.231,2 m², loại đất trồng lúa.

Ngày 19/10/2015, Công ty Chè có văn bản số 131/CVCTT về việc trả lời đơn thư. Tại văn bản này Công ty Chè khẳng định khu đất tranh chấp (thửa đất nêu trên) giữa gia đình bà Vũ Thị N (là mẹ của ông Phạm Đình Tr) và ông Nguyễn Đình A (con trai ông Nguyễn Xuân V) trước đây thuộc đất của Công ty Chè quản lý. Hộ bà Vũ Thị N nhận đất giao khoán hàng năm tại đơn vị đội Tân Phúc thuộc Công ty chè.

- Về ranh giới sử dụng đất của ông Nguyễn Xuân V:

Căn cứ Biên bản ngày 29/12/1966, của Nông trường đổi đất cho ông Nguyễn Xuân V, thì tổng diện tích đất đổi theo Biên bản là 4.758 m², trong đó: Đất ruộng là 4.045 m², đất bãi là 713,0 m².

Căn cứ Biên bản số 05 ngày 23/4/1991 của Xí nghiệp công nông nghiệp chè T về việc xác minh đất ông V đang sử dụng, xác định đất ruộng của ông V là 4.051,8 m² đến mốc ruộng thứ 3 dưới đập hướng Nam cách Ngã 3 đi Sơn Nam 73 m đã được ông Nguyễn Xuân V ký xác nhận.

Ngày 13/7/2004, ông Nguyễn Xuân V có Văn bản gửi Giám đốc Công ty Chè cung cấp các loại hồ sơ, các giấy tờ có liên quan đến việc đổi đất của nông trường T và gia đình ông từ năm 1966 đến năm 2004. Tổng diện tích 4.912 m², trong đó: ông V đã sử dụng một phần và một phần chuyển nhượng cho em trai, cho vợ và con (có sơ đồ vẽ kèm theo, tại sơ đồ thể hiện thửa đất theo nội dung đề nghị là đất ruộng Công đoàn hơn 6 sào).

Từ các căn cứ nêu trên thì thửa đất số 34, tờ bản đồ số 26 (đo đạc địa chính năm 2012), diện tích 1.657,5 m², địa chỉ thửa đất tại Tổ dân phố T, thị trấn S, huyện S, có nguồn gốc là đất do Công ty Chè quản lý, sử dụng.

Ngày 25/12/2012, UBND tỉnh Tuyên Quang ban hành Quyết định số 476/QĐ-UBND ngày 25/12/2012 về việc thu hồi, giao đất và cho thuê đất để thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của Công ty cổ phần chè T tại thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, trong đó đã thu hồi và bàn giao thửa đất số 119, tờ bản đồ số 1, diện tích 1.633,1 m² (ứng với thửa đất số 34, tờ bản đồ số 26, đo đạc địa chính năm 2012, diện tích 1.657,5 m²) cho UBND thị trấn S quản lý.

Hiện nay, UBND thị trấn S chưa xây dựng Phương án giao quyền sử dụng đất đối với diện tích đất nêu trên cho bất kỳ tổ chức, cá nhân nào. Đề nghị Tòa án nhân dân huyện S thụ lý giải quyết vụ việc trên theo quy định của pháp luật. Ủy ban nhân dân huyện S sẽ thực hiện theo bản án của Tòa.

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần chè T, ông Trần Huy T trình bày:

Việc đổi đất cho gia đình ông Nguyễn Xuân V từ năm 1966 giữa Nông trường T (nay là Công ty cổ phần chè T) và ông V theo biên bản ngày 29/12/1966 đã có văn bản đổi đất bàn giao cụ thể giữa hai bên. Tổng diện tích đất ông V được Nông trường đổi là: đất ruộng bằng 4.045 m², đất và nhà ở 713 m², tổng diện tích là 4.758 m². Sau khi đổi đất ông V đã chuyển nhượng hoặc cho con cái trong gia đình, ngày 13/7/2004 giữa Công ty Chè và ông V đã cùng nhau xác nhận số đất đổi của Nông trường T cho gia đình ông và hiện nay gia đình ông đã phân chia cho từng người trong gia đình hoặc ông đã bán với tổng diện tích đo đạc lại là 4.912 m² (có xác nhận của ông V và giấy tờ khi giao chuyển cho các gia đình do ông V cung cấp kèm theo sơ đồ khu đất).

Về ranh giới khu đất đổi theo biên bản ngày 29/12/1966 giữa Nông trường T và gia đình ông V, ngày 23/4/1991 UBND thị trấn Nông trường T cùng với ông Nguyễn Xuân V đã có văn bản xác nhận đất và ranh giới đất do Nông trường chè đổi cho gia đình ông V năm 1966 có nội dung ghi rõ: “...*Khu đất đổi cho nhà ông V gồm 2 phần: Khu đất bãi (đất đồi) xác định bằng 837 m²; Khu đất ruộng của ông V bằng 4.051,8 m² đến mốc ruộng thứ 3 dưới đập hướng Nam cách Ngã 3 đi Sơn Nam 73 m. Từ thửa thứ 3 đến ruộng trũng là 2.627,1 m² và từ mép ruộng đến đồi chè là đất thuộc Xí nghiệp giao cho đội Tân Phúc có kế hoạch quản lý sử dụng*”.

Hiện nay khu đất ruộng của nhà ông V đổi cho Nông trường năm 1966 đã không còn ruộng. Lý do ông V đã lấp ruộng, lấp ao bán hoặc chuyển nhượng cho con em và người ngoài chuyển thành đất thổ cư, kho bãi... và khi ông V và bà Liên (vợ ông V) ly hôn đã phân chia tài sản chung của vợ chồng. Bản thân ông V đã xác nhận đất đổi này phân chia hoặc bán cho từng người (có xác nhận của ông V ngày 13/7/2004).

Về việc xác định Km số 25: Cây số 25 (xác định mốc cũ khi đường chưa nắn chỉnh năm 1966 gần khu nhà bà Ánh cũ cách điểm mốc hiện nay sau khi sửa đường năm 1995 lớn hơn hoặc bằng 150m về hướng đi Tuyên Quang. Mốc ranh giới đã được xác định tại biên bản ngày 23/4/1991 của UBND thị trấn Nông trường T ghi rõ ranh giới đất nhà ông V đến Ngã ba đi Sơn Nam là 73m.

Đối với khu đất ruộng lúa của ông Nguyễn Xuân V, kê khai nộp thuế hơn 2.300m², chính là khu đất cây xăng hiện nay; ngày xưa là đất ruộng lúa ông V tự ý đổ đất cải tạo, Công ty Chè đã tiến hành lập biên bản đổi với ông V. Ông V khởi kiện yêu cầu UBND huyện S trả lại khu đất này là không có căn cứ, Công ty chè khẳng định đây là khu đất của Công ty chè quản lý theo bản đồ 299, không nằm trong diện tích đất mà Công ty chè đổi cho ông V vào năm 1966. Khu đất này đã được Công ty Chè bàn giao về cho địa phương theo quyết định 476/QĐ-UBND ngày 25/12/2012 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc thu hồi, giao đất và cho thuê đất để thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của Công ty chè tại thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Người làm chứng ông Phạm Văn B trình bày:

Ông nguyên là cán bộ công nhân Nông trường Chè T (nay là Công ty cổ phần chè T). Ông được biết thửa đất ông Nguyễn Xuân V yêu cầu UBND thị trấn S trả lại là đất của Công ty Chè. Trước đây khoảng năm 1989 - 1990, khu đất này được Nông trường Chè T giao cho Công đoàn Đội Tân Phúc quản lý và sử dụng. Ông khẳng định khu đất này không nằm trong diện tích mà Công ty chè đổi cho gia đình ông V.

Người làm chứng ông Nguyễn Duy Đ trình bày:

Ông nguyên là cán bộ công nhân Nông trường chè T (nay là Công ty cổ phần chè T). Ông là người tham gia giải quyết trực tiếp khu đất mà hiện nay ông Nguyễn Xuân V yêu cầu UBND thị trấn S trả lại (theo biên bản xác minh lập ngày 23/4/1991). Khu đất này được Nông trường chè T giao cho Công đoàn Đội Tân Phúc quản lý và sử dụng. Ông khẳng định khu đất này không nằm trong diện tích mà Công ty chè đổi cho gia đình ông V.

Người làm chứng ông Hà Trung K trình bày:

Ông nguyên là cán bộ địa chính của Công ty chè, ông là người được tham gia giải quyết trực tiếp khu đất mà hiện nay ông Nguyễn Xuân V khởi kiện UBND thị trấn S. Ông có lập biên bản xác minh đôi đất giữa Nông trường chè T (nay là Công ty cổ phần chè T) và gia đình ông Nguyễn Xuân V, biên bản xác minh lập ngày 23/4/1991. Ông được biết khu đất này ngày xưa không giống như bây giờ, đường rất vòng vèo, thời điểm đó ở đây duy nhất có ông V ở, khu đất này có 05 thửa ruộng nhỏ do Công đoàn Công ty chè đang canh tác (Đội Tân Phúc). Khu đất này ông khẳng định không nằm trong diện tích mà Công ty chè đổi cho gia đình ông Nguyễn Xuân V. Sau khi lập biên bản xác minh đất ông V sử dụng, các bên đã tiến hành đo đạc thực địa và cắm mốc ranh giới ngoài thực địa, được thể hiện trong biên bản xác minh đất ông V đang sử dụng ngày 23/4/1991.

Người làm chứng ông Nguyễn Ngọc Tr trình bày:

Ông nguyên là cán bộ (đội trưởng) công nhân Nông trường chè T (nay là Công ty cổ phần chè T). Ông được biết thửa đất ông Nguyễn Xuân V yêu cầu UBND thị trấn S trả lại là đất của Công ty chè, ranh giới thửa đất này là từ khu đất nhà ông Cán trở lại là mấy thửa ruộng của Công đoàn, sau đó Công ty giao khoán cho bà Vũ Thị N, địa chỉ Tổ dân phố T, thị trấn S, huyện S canh tác. Ông khẳng định khu đất này không nằm trong diện tích mà Công ty chè đổi cho gia đình ông Nguyễn Xuân V. Đây là khu đất của Công đoàn nông trường chè T. Sau này, ông được biết toàn bộ khu đất này đã được UBND tỉnh Tuyên Quang thu hồi và giao lại cho UBND thị trấn S quản lý. Khu đất này cũng không phải của gia đình bà Na.

Người làm chứng ông Nguyễn Trường M trình bày:

Từ năm 1991 đến tháng 4 năm 1992 ông là cán bộ thuộc Đội đo đạc bản đồ của Ban quản lý ruộng đất và đo đạc bản đồ (nay là Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tuyên Quang), khoảng cuối năm 1991 và đầu năm 1992 ông được Ban quản

lý ruộng đất và đo đạc bản đồ giao nhiệm vụ tổ chức đo đạc, lập bản đồ giải thửa hiện trạng sử dụng đất của gia đình ông Nguyễn Xuân V (tỷ lệ bản đồ 1/500). Đề phục vụ cho công tác giải quyết đơn của ông V.

Quá trình đo đạc bản đồ giải thửa thể hiện có 04 thửa đất bao gồm: Thửa số 01 có diện tích 4.272 m² (trong đó có 490 m² là khu vực có nhà ở của ông V); Thửa số 02 có diện tích 892 m² là đất đường quốc lộ 37 cũ (sau khi Nhà nước nắn mở đường ra ngã 3 quốc lộ 37 cũ, đây là diện tích đất nền quốc lộ cũ do Nhà nước quản lý, trong đó có 120 m² của bà Nguyễn Thị U, con ông V xây dựng trên nền đường cũ); Thửa số 03 diện tích 2.335 m² là đất trồng lúa; Thửa số 04 nằm đối diện, thuộc chân đồi 100, có diện tích 507 m².

Sau khi đo đạc xong, các cơ quan chức năng của Nhà nước đã tiến hành giải quyết vụ việc theo đơn của ông V. Đến ngày 07/4/1992 Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang đã ban hành Quyết định số 74/UB-QĐ về việc xử lý chiếm đất làm nhà trái phép của gia đình ông Nguyễn Xuân V, thị trấn Nông trường T – Sơn Dương. Trong quyết định này đã thể hiện việc giải quyết đất của gia đình ông Nguyễn Xuân V, cụ thể: Điều 1: Thu hồi thửa đất số 04 diện tích 570 m² là đất sản xuất chè của xí nghiệp nông công nghiệp chè T (tại đồi 100 ngã ba đường Sơn Dương đi Sơn Nam) và giao diện tích đất này cho gia đình ông V sử dụng làm đất thổ cư (có bản đồ tỷ lệ 1/500 kèm theo và có dấu của UBND tỉnh Tuyên Quang tại góc trên bên trái bản đồ). Thửa đất số 01 với tổng diện tích là 4.272 m² (gia đình ông V đang sử dụng). Ngoài diện tích đã sử dụng làm đất thổ cư là 490 m², phần còn lại 3.782 m² gia đình ông V phải sử dụng đúng mục đích sản xuất nông nghiệp và làm đủ nghĩa vụ theo luật đất đai. Khi có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng sang việc khác phải xin phép và được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Nếu gia đình sử dụng trái mục đích nhà nước sẽ thu hồi 3.782 m² đất nói trên.

Lô đất số 02 diện tích 829 m² là nền đường quốc lộ cũ do Nhà nước quản lý ông V đã chiếm dụng làm nhà trái phép cho con, nay xử lý như sau:

- + Phạt hành chính ông V 2 triệu đồng;
- + Cho phép bà Nguyễn Thị U (con ông V) được sử dụng 120 m² tại vị trí nhà đã xây dựng trái phép để làm đất thổ cư, diện tích còn lại 709 m² giao UBND huyện S quản lý.

Từ quyết định trên cho thấy, diện tích đất đồi của ông V với nông trường là toàn bộ diện tích đất của thửa số 01 là 4.272 m² ranh giới theo bản đồ hiện trạng tỷ lệ 1/500 kèm theo Quyết định số 74. Diện tích thửa đất số 04, 507 m² phía chân đồi 100 là đất của Xí nghiệp công nông nghiệp chè không phải là diện tích đất đồi của nông trường năm 1966. Riêng thửa đất số 03, diện tích 2.335 m² toàn bộ là đất trồng lúa nước và không thuộc diện tích đất gia đình ông Nguyễn Xuân V đang sử dụng tại thời điểm đó.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2023/DS-ST, ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang, quyết định:

Căn cứ các Điều 26, 35; 39, 147, 227, 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 6, 38, 136 Luật đất đai 2003, các Điều 4, 21, 22, 23, 203 Luật đất đai 2013. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân V, về việc buộc Ủy ban nhân dân thị trấn S phải bồi thường thiệt hại các khoản tiền gồm: Tiền không được sử dụng đất từ tháng 6/2022 đến ngày có bản án là 6,5 năm: 10.000.000 đồng/tháng x 78 tháng = 780.000.000đ; Tiền tem thư, in ấn và tiền đi lại khiếu kiện là 1.590.000 đồng/tháng x 7 tháng x 6,5 năm = 67.795.000 đồng. Tổng số tiền phải bồi thường cho ông Nguyễn Xuân V là 847.795.000 đồng (*Tám trăm bốn mươi bảy triệu, bảy trăm chín mươi lăm nghìn đồng*).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân V, về việc buộc Ủy ban nhân dân thị trấn S trả lại quyền sử dụng đất thửa số 34, tờ bản đồ số 26, đo đạc địa chính năm 2012, diện tích 1.657,5 m² (đo đạc thực tế theo kết quả trích đo thửa đất và biên bản xem xét thẩm định tại chỗ có diện tích là 1.741,9m², địa chỉ thửa đất tại Tổ dân phố T, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Ngoài ra bản án còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 02/10/2023, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn N kháng cáo toàn bộ bản án số 14/2023/DS-ST ngày 19/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện S, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận đơn khởi kiện đòi lại quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Xuân V, yêu cầu Ủy ban nhân dân thị trấn S trả lại quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Xuân V.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân V.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã thực hiện đảm bảo các thủ tục về phiên tòa phúc thẩm, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là hợp lệ trong hạn luật định, nội dung kháng cáo nằm trong nội dung bản án sơ thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 14/2023/DS-ST, ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện S.

Về án phí: Do ông V là người cao tuổi nên ông V được miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ngày 02/10/2023, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn N kháng cáo toàn bộ bản án số 14/2023/DS-ST ngày 19/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện S. Đơn kháng cáo được thực hiện trong thời hạn luật định, nội dung kháng cáo và quyền kháng cáo phù hợp với quy định của pháp luật, nên đơn kháng cáo hợp lệ.

[2]. Về nội dung kháng cáo của người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn N yêu cầu Ủy ban nhân dân thị trấn S trả lại quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Xuân V. Hội đồng xét xử thấy: Diện tích đất 1.657,5 m² đo đạc năm 2012, thuộc thửa đất số 34, tờ bản đồ số 26, mà ông Nguyễn Xuân V khởi kiện Ủy ban nhân dân thị trấn S là loại đất trồng cây hàng năm khác, có nguồn gốc là đất của Công ty Chè quản lý.

Thửa đất số 34 được tách ra từ thửa đất số 106, tờ bản đồ 6 (bản đồ đất chè năm 1989), diện tích 8.890 m², loại đất lúa. Tại sổ đăng ký ruộng đất số 01 lập tại Xí nghiệp công nông nghiệp chè T, tại trang số 40, thửa đất số 106, tờ bản đồ 6 (bản đồ đất chè năm 1989), diện tích 8.890 m², chủ sử dụng đất là Đội Tân Phúc thuộc Công ty Chè quản lý.

Ngày 19/10/2015, Công ty chè có văn bản số 131/CVCTT về việc trả lời đơn thư. Tại văn bản này Công ty chè khẳng định khu đất tranh chấp (thửa đất nêu trên) giữa gia đình bà Vũ Thị N (là mẹ của ông Phạm Đình Tr) và ông Nguyễn Đình A (con trai ông Nguyễn Xuân V) trước đây thuộc đất của Công ty Chè quản lý. Căn cứ Biên bản ngày 29/12/1966, của Nông trường đổi đất cho ông Nguyễn Xuân V, thì tổng diện tích đất đổi theo Biên bản là 4.758 m², trong đó: Đất ruộng là 4.045 m², đất bãi là 713 m². Căn cứ Biên bản số 05 ngày 23/4/1991 của Xí nghiệp công nông nghiệp chè T về việc xác minh đất ông V đang sử dụng, xác định đất ruộng của ông V là 4.051,8 m² đến mốc ruộng thứ 3 dưới đập hướng Nam cách Ngã 3 đi Sơn Nam 73m đã được ông Nguyễn Xuân V ký xác nhận.

Ngày 13/7/2004, ông Nguyễn Xuân V có Văn bản gửi Giám đốc Công ty chè cung cấp các loại hồ sơ, các giấy tờ có liên quan đến việc đổi đất của Nông trường T và gia đình ông từ năm 1966 đến năm 2004. Tổng diện tích 4.912m², trong đó: ông V đã sử dụng một phần và một phần chuyển nhượng cho em trai, cho vợ và con (có sơ đồ vẽ kèm theo, tại sơ đồ thể hiện thửa đất theo nội dung đề nghị là đất ruộng Công đoàn hơn 6 sào).

Từ các căn cứ nêu trên xác định thửa đất số 34, tờ bản đồ số 26 (đo đạc địa chính năm 2012), diện tích 1.657,5 m², địa chỉ thửa đất tại Tổ dân phố T, thị trấn S, huyện S, có nguồn gốc là đất do Công ty Chè quản lý, sử dụng.

Ngày 25/12/2012, UBND tỉnh Tuyên Quang ban hành Quyết định số 476/QĐ-UBND, về việc thu hồi, giao đất và cho thuê đất để thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của Công ty cổ phần chè T tại thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, trong đó đã thu hồi và bàn giao thửa đất số 119, tờ bản đồ số 1, diện tích 1.633,1m² (ứng với thửa đất số 34, tờ bản đồ số 26, đo đạc địa chính năm 2012, diện tích 1.657,5 m²) cho UBND thị trấn S quản lý.

Tại phiên toà phúc thẩm ông Nguyễn Văn N không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn N. Cần giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2023/DS-ST, ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang, như ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà phúc thẩm.

[3]. Về án phí: Do ông Nguyễn Xuân V là người cao tuổi nên ông V được miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm.

[4]. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn N, về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang trả lại quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Xuân V.

1. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2023/DS-ST, ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang, như sau:

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân V, về việc buộc Ủy ban nhân dân thị trấn S phải bồi thường thiệt hại các khoản tiền gồm: Tiền không được sử dụng đất từ tháng 6/2022 đến ngày có bản án là 6,5 năm: 10.000.000 đồng/tháng x 78 tháng = 780.000.000 đ; Tiền tem thư, in ấn và tiền đi lại khiếu kiện là 1.590.000 đồng/tháng x 7 tháng x 6,5 năm = 67.795.000 đồng. Tổng số tiền phải bồi thường cho ông Nguyễn Xuân V là 847.795.000 đồng (*Tám trăm bốn mươi bảy triệu, bảy trăm chín mươi lăm nghìn đồng*).

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân V, về việc buộc Ủy ban nhân dân thị trấn S trả lại quyền sử dụng đất thửa số 34, tờ bản đồ số 26, đo đạc địa chính năm 2012, diện tích 1.657,5 m² (đo đạc thực tế theo

kết quả trích đo thửa đất và biên bản xem xét thẩm định tại chỗ có diện tích là 1.741,9m², địa chỉ thửa đất tại Tổ dân phố T, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do ông Nguyễn Xuân V là người cao tuổi nên ông V được miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (05/3/2024).

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND huyện S;
- Chi cục THADS huyện S;
- Các đương sự;
- Văn phòng TA tỉnh;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Nam

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Thanh Sơn - Ma Hồng Thắng

Nguyễn Đức Nam

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND huyện S;
- Chi cục THADS huyện S;
- Các đương sự;
- Văn phòng TA tỉnh;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Nam